

Một số tồn tại của thị trường tiền tệ, ngân hàng hiện nay – những kiến nghị chính sách

TS. Nguyễn Thị Thanh Hương^{**}
ThS. Nguyễn Thị Tuyết Ánh^{††}

Quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng đã tạo cơ hội cho phát triển kinh tế trong những năm vừa qua, nhưng kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nhiều của quá trình hồi phục hay suy giảm của kinh tế thế giới. Từ năm 2008 đến nay, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công ở châu Âu, tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng có những diễn biến phức tạp; sau những khó khăn về kinh tế năm 2008, 2009, bước sang năm 2010 nền kinh tế có dấu hiệu ổn định hơn, nhưng từ đầu năm 2011, một số vấn đề kinh tế vĩ mô lại nổi lên, đòi hỏi Chính phủ và các nhà hoạch định chính sách phải nghiên cứu giải quyết như: tỷ lệ lạm phát gia tăng; lãi suất cao; tiền Việt Nam mất giá so với đô la Mỹ; thâm hụt ngân sách vẫn ở mức cao; hiệu quả của đầu tư công thấp; nhập siêu vẫn ở mức cao; tăng trưởng có xu hướng chậm lại... Trước bối cảnh sức ép tăng lạm phát từ nhiều phía và rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô gia tăng ảnh hưởng đến hoạt động chung của toàn xã hội, nền kinh tế và đặc biệt là các doanh nghiệp, Chính phủ đã xác định kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội là nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 (Nghị quyết 11) về các giải pháp chủ yếu nhằm tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội trong năm 2011. Bám sát Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, chặt chẽ và thận trọng nhằm thực hiện mục tiêu kiểm soát tốc độ tăng tín dụng dưới 20%, tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 15-16%, lãi suất và tỷ giá ở mức hợp lý, phù hợp với các điều kiện vĩ mô; đồng thời tập trung ưu tiên vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa; giảm tỷ trọng vay vốn tín dụng của khu vực phi sản xuất... Kết quả bước đầu là tích cực và đã được khẳng định, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng đã chậm lại và có chiều hướng giảm dần, tổng sản phẩm trong nước 06 tháng đầu năm 2011 tăng 5,57% so với cùng kỳ năm 2010. Tuy nhiên, một số tác động thiếu tích cực của chính sách cũng bộc lộ và nền kinh tế, nhất là các doanh nghiệp vẫn đang đối mặt với những thách thức lớn, nghiêm trọng... Bài viết

^{**} NHNN

^{††} Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính

này nhằm phân tích nguyên nhân các mặt hạn chế của cơ chế, chính sách về hoạt động tiền tệ ngân hàng trong mối quan hệ với các chính sách kinh tế khác và kiến nghị một số giải pháp của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

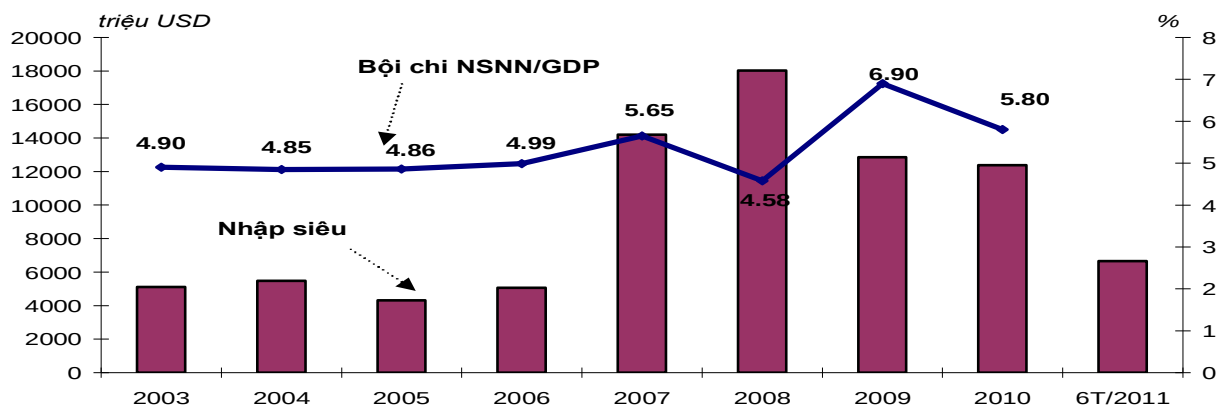
Từ năm 2007 đến nay, nhìn chung tình hình kinh tế Việt Nam không được ổn định, gặp nhiều khó khăn (xem bảng 1, biểu đồ 1), trong đó lạm phát từ năm 2004 đến nay luôn ở mức cao.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về tình hình kinh tế Việt Nam

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	6 tháng 2011
Tăng trưởng (%)	7,79	8,44	8,23	8,46	6,31	5,32	6,78	5,57
Lạm phát (%)	9,5	8,4	6,6	12,63	19,89	6,52	11,75	13,29
Nhập siêu (tỷ USD)	-5,48	-4,3	-5,06	-14,2	-18	-12,8	-12,6	-6,65
Tăng trưởng M2 (%)	30,39	28,7	33,7	46,1	20,3	29	33,3	1,18 (*)
Tăng trưởng tín dụng (%)	41,65	31	26	53,9	25,4	39,6	32,4	5,59 (*)
Lãi suất cho vay bình quân năm (%)	10,05	11,16	12,86	13,04	17,08	10,98	14,15	17,06

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, NHNN; () 4 tháng đầu năm 2011*

Biểu đồ 1: Diễn biến nhập siêu và bội chi Ngân sách Nhà nước, 2003-6T/2011



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính

Trong những năm qua, khi kinh tế khó khăn, Chính phủ đã đưa ra các giải pháp tương đối cơ bản để ổn định vĩ mô, nhưng quá trình thực hiện chưa triệt để, thiếu nhất quán; sự phối hợp giữa các chính sách vĩ mô không đồng bộ; hoặc liều lượng, mức độ của các biện pháp triển khai nhiều khi không thực sự phù hợp với nguyên nhân gây ra lạm phát, bất ổn kinh tế vĩ mô nên hiệu quả chưa cao hoặc kết quả không được duy trì bền vững. Năm 2011, trước nguy cơ lạm phát cao tới 2 con số, Nghị quyết 11 của Chính phủ với 6 nhóm giải pháp rất đúng và đồng bộ, trong đó lần đầu tiên giữa 2 mục tiêu: tăng trưởng và kiềm chế lạm phát, Chính phủ đã xác định rõ: kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô... là nhiệm vụ trọng tâm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay - hết tháng 07/2011, mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô đã có tín hiệu tích cực nhưng hiệu quả việc triển khai thực hiện các nhóm giải pháp của Nghị quyết 11 vẫn còn hạn chế, cũng như sự phối hợp chính sách từ các Bộ, ngành, từ các cấp quản lý vẫn chưa được tốt. Về tình hình kinh tế vĩ mô; tình hình thị trường tiền tệ, ngân hàng chúng ta có thể thấy một số hạn chế nổi bật sau:

Lạm phát vẫn cao

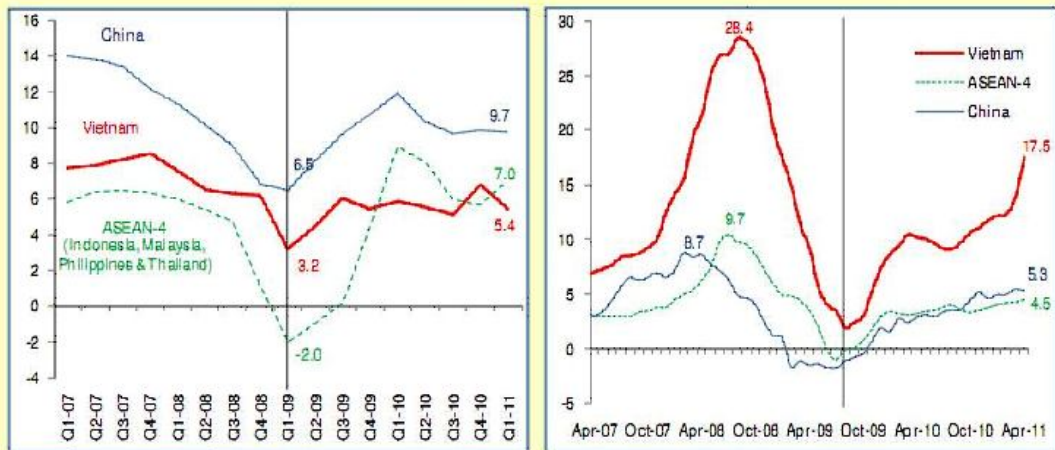
Một đặc điểm khác biệt của Việt Nam so với các nước khác cùng khu vực là lạm phát cao, trong khi tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình (xem biểu đồ 2). Lạm phát của Việt Nam hội đủ các nguyên nhân, vừa là lạm phát chi phí đẩy, vừa là lạm phát cầu kéo, vừa là lạm phát kỳ vọng - phát sinh từ các yếu tố tâm lý và/hoặc đầu cơ; vừa có các nguyên nhân từ yếu kém nội tại của nền kinh tế; vừa có nguyên nhân từ “nhập khẩu lạm phát”; vừa có nguyên nhân từ yếu tố tiền tệ, vừa có nguyên nhân từ yếu tố phi tiền tệ. Trong đó, nhiều nguyên nhân thuộc yếu kém nội tại của nền kinh tế được tích lũy từ nhiều năm qua như: (i) Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa chủ yếu

vào mở rộng đầu tư, nhưng nhìn chung đầu tư lại kém hiệu quả, nhất là đầu tư nhà nước; (ii) Giá các mặt hàng xăng dầu, điện, các dịch vụ xã hội thiết yếu phục vụ đời sống dân cư... và tỷ giá được bao cấp, nay phải điều chỉnh lại theo cơ chế thị trường; (iii) Nới lỏng chính sách tiền tệ trong những năm trước đây; (iv) Thâm hụt ngân sách kéo dài trong nhiều năm... Vòng luẩn quẩn lạm phát - đồng tiền mất giá - lạm phát đã hình thành và khó phá vỡ trong thời gian ngắn, và vì vậy, việc kiểm soát, kiềm chế lạm phát ở Việt Nam cần thời gian dài hơn, khó khăn hơn đối với Chính phủ Việt Nam để điều chỉnh, đưa lạm phát trở lại mức 3-5% như nhiều người kỳ vọng.

Biểu đồ 2: Tăng trưởng và lạm phát ở một số nước khu vực Đông Á – Thái Bình Dương

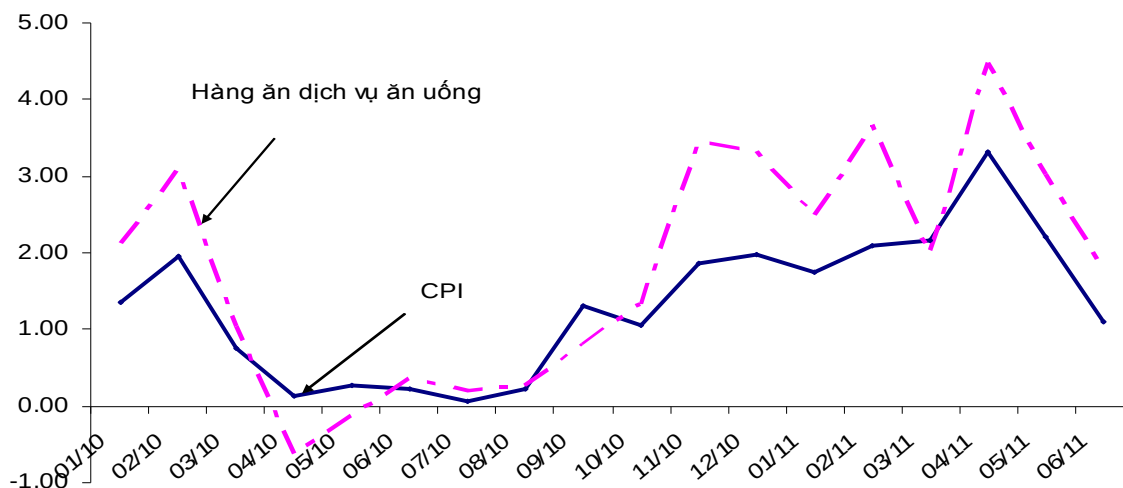
Trái: tốc độ tăng trưởng GDP theo quý (so cùng kỳ năm trước)

Phải: Tỷ lệ lạm phát CPI hàng tháng (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cập nhật Kinh tế Đông Á – Thái Bình Dương (2011)

Biểu đồ 3: Diễn biến lạm phát Việt Nam theo tháng, 2009-6/2011 % so với tháng trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Với điều kiện kinh tế và nguyên nhân lạm phát của Việt Nam, nếu việc kiểm chế và kiểm soát lạm phát dựa chủ yếu vào chính sách tiền tệ như những năm qua, tác dụng sẽ không cao và thậm chí dẫn tới nguy cơ “lạm phát và đình trệ sản xuất” trong thời gian tới. Do vậy, Chính phủ cần nâng cao trách nhiệm và vai trò của chính sách tài khóa và giảm bớt “gánh nặng” của chính sách tiền tệ. Trong 10 năm qua, từ 2003 đến nay, chính sách tài khóa thường là “nới lỏng” với bội chi ngân sách nhà nước liên tục, kéo dài, mức bội chi hàng năm ở mức khoảng 5% GDP; 06 tháng đầu năm 2011, bội chi ngân sách gần 28.000 tỷ đồng - đạt gần 23% kế hoạch năm 2011, với chỉ tiêu bội chi NSNN năm 2011 sau khi đã được Quốc hội điều chỉnh là dưới 5% GDP. Quy mô nợ công tích lũy đến năm 2010 đã ở mức 55,2% GDP. Nhìn chung “sự thắt chặt” của chính sách tài khóa chưa đủ độ cần thiết để kiểm chế lạm phát, chưa đồng bộ trong sự phối hợp với chính sách tiền tệ.

Xung quanh về chính sách tài khóa và hiệu quả của chính sách tài khóa, Tạp chí Ngân hàng số 14, kỳ II/07/ 2011 có bài viết “Tình hình nợ công và quản lý nợ công ở Việt Nam” của TS Mai Thu Hiền và Nguyễn Thị Như Nguyệt - Đại học Ngoại thương Hà Nội - phân tích tương đối sâu sắc trên nhiều góc độ có liên quan.

Đối với chính sách công, bên cạnh những chính sách cắt giảm đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở khu vực công đã được các chuyên gia kinh tế phân tích nhiều trong thời gian qua, Bộ Tài chính cần chú trọng việc khai thác các nguồn thu hợp lý (ví dụ, rà soát để thu hồi, bán bớt tài sản là nhà cửa, đất đai đang giao cho các DNNN nhưng đang trong tình trạng sử dụng lãng phí); chống thất thoát, lãng phí trong chi tiêu nguồn vốn thuộc

NSNN. Giai đoạn vừa qua, chúng ta đã chứng kiến: Với việc rà soát lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI, NSNN đã truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp được hàng ngàn tỷ đồng.

Giải quyết nguyên nhân gốc cho bài toán lạm phát ở Việt Nam phải giải quyết những yếu kém nội tại của nền kinh tế trong các vấn đề như mô hình tăng trưởng kinh tế; chính sách và quản lý tài chính công; chính sách thương mại; chính sách quản lý bất động sản;... và những bất cập trong công tác quản lý và điều hành ở tầm vĩ mô trước những biến động bất thường của nền kinh tế. Chính sách tiền tệ chỉ giải quyết được một phần và hỗ trợ trong ngắn hạn, không thể là chủ lực cho bài toán kiềm chế, kiểm soát lạm phát ở Việt Nam.

Mặt bằng lãi suất quá cao, có phần chưa được hợp lý

Từ những ngày đầu tháng 5/2011 đến nay, tình hình thị trường tiền tệ diễn biến nhanh chóng, phức tạp. Mặc dù NHNN ấn định mức lãi suất trần huy động là 14%, nhưng áp lực huy động vốn để giải quyết vấn đề thanh khoản và cho vay buộc các ngân hàng thương mại (NHTM) chạy đua, đẩy mức lãi suất vượt quá mức trần qui định; trần lãi suất tiền gửi liên tiếp và phổ biến bị xé rào, lãi suất huy động thực tế leo thang từ 16%, đến 17%, 19%/năm... Như vậy lãi suất NHTM cho vay ra có thể đạt 18%, 20%/năm, thậm chí cá biệt là 25% cũng là điều dễ hiểu.

Huy động vốn của NHTM khó khăn, thanh khoản trong hệ thống ngân hàng thường căng thẳng, nhưng tốc độ tăng dư nợ của các NHTM vẫn cao. Tình trạng này có thể được lý giải bởi các nguyên nhân như: thu lãi từ hoạt động tín dụng vẫn là nguồn thu chủ yếu của các NHTM, dịch vụ ngân hàng ngoài hoạt động tín dụng chưa được mở rộng và phát triển tốt, tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu của các NHTM đa số dưới 20%; đồng thời, cơ chế chính sách và môi trường kinh doanh nói chung lại tạo động lực và có dư địa để các ngân hàng tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ: (i) lãi suất cho vay không bị khống chế; huy động vốn với lãi suất cao, cho vay ra với lãi suất cao; (ii) nhu cầu vay của nền kinh tế, nhất là nhu cầu vay tín dụng phi sản xuất cao; (iii) tốc độ tăng vốn điều lệ của các NHTMCP quá lớn. Trong giai đoạn 2008-2010, tổng số vốn điều lệ tăng thêm của 37 NHTMCP Việt Nam khoảng 97.000 tỷ đồng.

Giải pháp trần lãi suất tiền gửi hoặc trần lãi suất cho vay hoặc cả 2 loại... đều là những biện pháp hành chính, phi thị trường, không thể giải quyết được gốc của vấn đề, kéo theo nhiều tổn kém về chi chí hành chính quản lý nhà nước khác để thanh tra, kiểm tra, giám sát. Do vậy, các chính sách về trần lãi suất không nên kéo dài. Hơn nữa, những cơ chế, chính sách

này thường bị quốc tế phản ứng, hạ điểm xếp hạng tín dụng chung đối với Việt Nam và làm chậm quá trình tự do hóa lãi suất của Việt Nam.

Chính sách về trần lãi suất tiền gửi có hiệu quả thấp trong việc điều tiết, xác lập mặt bằng lãi suất thị trường khi mà các NHTM chẳng thiếu các thủ thuật nghiệp vụ để “lách”. Ngoài ra, rủi ro hoạt động của hệ thống NHTM cũng tăng lên rất nhiều do môi trường kế toán, nghiệp vụ thiếu minh bạch; tín hiệu thị trường trở lên không chuẩn xác, cơ quan quản lý nhà nước thiếu cơ sở dữ liệu tin cậy để điều tiết thị trường.

Mặc dù do lạm phát hiện nay cao nên mặt bằng lãi suất thị trường còn phải cao, chưa thể hạ thấp nhưng vẫn là cao khi lãi suất cho vay ở mức 18%-20%/ năm và khi so sánh với tỷ suất sinh lời của các doanh nghiệp. Nguyên nhân của lãi suất thị trường quá cao, có phần không hợp lý nằm ở 3 vấn đề sau: (i) Quản trị điều hành yếu kém của một số NHTM, nhất là yếu kém trong quản trị rủi ro tín dụng, quản trị thanh khoản; (ii) Từ sự quản lý, điều hành trên thị trường liên ngân hàng chưa khơi thông tốt các luồng vốn; (iii) Từ sự “thắt chặt” có phần quá mức của chính sách tiền tệ.

Thời gian tới, NHNN nên bỏ trần lãi suất huy động vốn và có biện pháp phù hợp giải quyết 3 vấn đề trên, mặt bằng lãi suất thị trường sẽ hạ nhiệt, ở mức hợp lý hơn so với hiện nay; từng bước được hạ thấp theo mức độ giảm lạm phát của nền kinh tế.

Đồng thời với việc đảm bảo chất lượng tín dụng; kiên trì mục tiêu kiểm soát lạm phát, NHNN nên giảm bớt mức độ “thắt chặt” về chính sách tiền tệ, cho phép những TCTD có hệ số an toàn vốn cao (ví dụ, có hệ số an toàn vốn trên 12%) và chất lượng quản trị điều hành tốt (3 năm liên tiếp xếp loại A theo CQTTGSNH; thuộc nhóm 10 NHTM hoạt động tốt nhất) được phép tăng trưởng tín dụng trong năm 2011 là 25%.

Dư nợ tín dụng ngoại tệ tăng trưởng nhanh, gây áp lực lớn lên tỷ giá USD/ VND trong thời gian tới

Đến ngày 20/6/2011, tín dụng tăng 7,13% (trong đó tín dụng VND tăng 2,76%, tín dụng bằng ngoại tệ tăng 23,47%). Mức chênh lệch lãi suất giữa hai đồng Việt Nam và ngoại tệ hiện nay là quá lớn đã tạo động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp và ngay cả ngân hàng thương mại tăng trưởng tín dụng ngoại tệ. Trong khi đó tiền gửi tiết kiệm ngoại tệ có xu hướng giảm vì người gửi tiền rút tiền gửi tiết kiệm ngoại tệ, bán và gửi tiết kiệm lại bằng đồng Việt Nam. Xu hướng này tạo nên rủi ro thanh khoản ngoại tệ cho hệ thống ngân hàng và gây áp lực rất lớn tới tỷ giá trong thời gian tới.

Để kiểm soát dư nợ ngoại tệ tại các NHTM, NHNN cần sớm sửa đổi nội dung Thông tư 07/2011/TT-NHNN quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay là người cư trú ban hành ngày

24/03/2011, theo hướng thu hẹp đối tượng cho vay ngoại tệ, chỉ cho vay những doanh nghiệp có khả năng tái tạo ngoại tệ; đồng thời NHNN cần nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ buộc các NHTM phải tăng lãi suất cho vay ngoại tệ, và NHNN sẽ có thêm nguồn dự trữ ngoại tệ.

Thị trường vàng hoạt động trên phạm vi rộng, chưa được kiểm soát, tiềm ẩn những bất ổn cho nền kinh tế

Theo Nghị quyết 11, Chính phủ khẳng định vẫn đảm bảo quyền tích trữ vàng và ngoại tệ của người dân, nhưng dứt khoát không dùng vàng, USD, ngoại tệ làm phương tiện thanh toán. Khi loại bỏ việc dùng vàng và USD làm phương tiện thanh toán thì lúc đó chính sách tiền tệ sẽ phát huy tốt hơn, giá trị của đồng Việt Nam sẽ được nâng cao. Thời điểm cuối tháng 07 vừa qua, khi giá vàng quốc tế lên cao, trong vòng 1 tuần, Việt Nam đã xuất khẩu 5 tấn vàng. Điều này chứng tỏ, kinh doanh vàng vẫn ở phạm vi rộng, khó kiểm soát, tiềm ẩn nhiều yếu tố đầu cơ... NHNN cần nhanh chóng ban hành khuôn khổ pháp lý mới để quản lý chặt chẽ thị trường vàng, đồng thời với việc tạo cơ chế thích hợp để có sự liên thông nhanh nhạy giữa thị trường vàng trong nước với thị trường vàng quốc tế, làm mặt bằng giá vàng trong nước không quá cách biệt so với mặt bằng giá vàng quốc tế.

Nhìn chung, NHNN cần kiên trì và quyết liệt hơn với mục tiêu chống hiện tượng “đô la hóa” và chống “vàng hóa” trong nền kinh tế. Dư luận xã hội cũng cần phải nhận thức đúng và có sự đồng thuận với Nhà nước trong việc quản lý chặt chẽ thị trường ngoại tệ và thị trường vàng.

Thị trường liên ngân hàng chưa được tổ chức và kiểm soát tốt

Trong những năm trước đây, khi lạm phát có xu hướng tăng cao, nhưng NHNN vẫn điều hành chính sách tiền tệ theo hướng tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành của NHNN, chỉ tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với VND và ngoại tệ nhằm hạn chế gia tăng tín dụng và hút tiền từ lưu thông. Năm 2011, thực hiện kiểm soát lạm phát trong những tháng qua NHNN nhiều lần điều chỉnh tăng lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất thị trường mở. Trong những tháng qua, lãi suất cơ bản (tái cấp vốn) tăng từ 8% lên 14% và điều chỉnh tăng lãi suất nghiệp vụ thị trường mở (mua lại/repo) sáu lần - từ 7% lên 15%. Cách lựa chọn chính sách và giải pháp sử dụng công cụ lãi suất điều hành của NHNN 6 tháng đầu năm 2011 có sự khác biệt so với những năm trước, và rất đúng hướng, định hướng mặt bằng lãi suất thị trường tốt hơn. Nhưng vẫn có thời điểm về liều lượng và sự phối hợp đồng bộ các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của NHNN vẫn chưa được tốt và thống nhất. Thời gian tới, NHNN cần xây dựng cơ chế điều

hành lãi suất cụ thể và rõ ràng hơn; cần tổ chức tốt thị trường liên ngân hàng nhằm khơi thông các dòng vốn giữa các thị trường, giữa các khu vực, giữa các tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh khoản cho các tổ chức tín dụng; mặt khác, NHNN cần điều hành linh hoạt các loại lãi suất chính sách (lãi suất tái cấp vốn; lãi suất chiết khấu GTCG; lãi suất cho vay qua đêm; lãi suất cho vay thanh toán bù trừ), phối hợp với khối lượng tiền cung ứng và dự trữ bắt buộc để định hướng và xác lập mặt bằng lãi suất thị trường; vừa hỗ trợ được lãi suất, vừa hướng dòng vốn ngân hàng tới các khu vực sản xuất cần được ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn; doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

Kỷ luật thị trường chưa được nghiêm minh, hoạt động ngân hàng còn thiếu minh bạch

Mọi thị trường chỉ hoạt động lành mạnh, hiệu quả và có trật tự nếu kỷ luật, kỷ cương nghiêm minh, mọi thành viên tham gia thị trường đều tuân thủ pháp luật và có trách nhiệm với xã hội, không đơn thuần chạy theo lợi nhuận. Thời điểm hiện nay, hành lang pháp lý cho việc sáp nhập, mua bán hoặc cho phá sản những TCTD yếu kém đã có, tuy chưa có quy trình và nội dung xử lý thật cụ thể để thực hiện. Thời gian tới, NHNN cần hết sức quan tâm và quyết liệt hơn trong việc kiểm soát tốt, có hiệu quả đối với chất lượng tín dụng của các TCTD. NHNN cần hạn chế và kiểm soát chặt chẽ việc cho vay tái cấp vốn đối với TCTD bằng thế chấp hồ sơ vay vốn của khách hàng của TCTD. Trong thanh tra hoạt động tín dụng, cần phát huy vai trò của CIC, tăng cường sự kết hợp công tác của CIC và thanh tra, giám sát các TCTD. Khi tiến hành thanh tra tại chỗ về hoạt động tín dụng, thanh tra NHNN nên chọn mẫu ngẫu nhiên một số hồ sơ cho vay của TCTD để kiểm tra, so sánh mức độ phân loại nợ của chính TCTD được kiểm tra với việc phân loại nợ của CIC, qua đó đánh giá phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ hoặc phân loại nợ của TCTD có hợp lý, nghiêm túc hay không! Khi phát hiện những TCTD có năng lực quản trị hoạt động, quản trị rủi ro quá yếu kém, NHNN cần xử lý nghiêm minh, cần sẵn sàng đóng cửa bất cứ TCTD nào đe dọa sự ổn định của cả hệ thống. Về nội dung này, chúng ta thấy, trong 2 năm 2008 và 2009, trong khủng hoảng tài chính, Chính phủ Mỹ đã cho phá sản hàng trăm ngân hàng yếu kém để bảo vệ an toàn cho hệ thống các ngân hàng Mỹ.

NHNN giám sát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tổng tài sản của từng NHTM. Tránh tình trạng dòng vốn được tái cấp vốn hoặc tái chiết khấu không đi vào sản xuất kinh doanh; tăng trưởng tín dụng nóng so với khả năng hấp thụ hiệu quả của nền kinh tế và so với năng lực quản trị rủi ro tín dụng của chính tổ chức tín dụng; hoặc chạy vào đầu cơ bất động sản,

đầu cơ chứng khoán. Trong quy chế cho vay tiêu dùng đối với tổ chức tín dụng cần có quy định: tổ chức tín dụng không được cho vay để mua nhà đối với cá nhân đã có sở hữu 2 nhà hoặc có 2 giấy tờ về quyền sử dụng đất trở lên.

Thị trường chứng khoán phụ thuộc nhiều vào dòng vốn tài trợ từ hệ thống ngân hàng và hiện nay đang suy giảm mạnh

Trong những năm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, nhưng thiếu bền vững khi dòng vốn vào thị trường chứng khoán lại là nguồn vốn cho vay từ hệ thống ngân hàng; những người tham gia thị trường phần đông là những người mua/ bán để “lướt sóng”, kiếm lời, hưởng chênh lệch giá, những người tham gia thị trường với chiến lược đầu tư trung, dài hạn và hưởng cổ tức là không nhiều.

Thị trường chứng khoán có vai trò lớn đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân xét trên nhiều góc độ như là kênh huy động vốn trung, dài hạn cho các doanh nghiệp; thúc đẩy quá trình cổ phần hóa các DNNN; giảm tải gánh nặng cho hệ thống ngân hàng... Hiện tại, thị trường chứng khoán đang suy giảm mạnh, cần có chính sách hỗ trợ phát triển kịp thời của nhà nước. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ có thể không thắt chặt thêm mức độ về ngăn chặn dòng vốn tín dụng ngân hàng chảy vào thị trường chứng khoán hiện nay, nhưng cần nhất quán và duy trì thường xuyên, dài hạn trong việc hạn chế dòng vốn tín dụng ngân hàng đổ vào thị trường chứng khoán. Các chính sách nhà nước cần hướng tới việc thu hút những nhà đầu tư có chiến lược đầu tư trung, dài hạn trên thị trường chứng khoán, kể cả nhà đầu tư cá nhân hay nhà đầu tư là các tổ chức. Một giải pháp có tác động rất mạnh đối với vấn đề này, đó là Chính phủ cần có chính sách miễn giảm thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp từ nguồn thu cổ tức; từ nguồn thu lãi của trái phiếu doanh nghiệp trong khoảng thời gian từ 2 - 3 năm tới.

Tài liệu tham khảo:

1) Tài liệu Hội thảo “Tác động của thị trường chứng khoán lên thị tài chính Việt Nam, những kiến nghị chính sách” ngày 29/07/2011, UBGSTCQG;

2) TS. Nguyễn Ngọc Bảo, bài viết “Một số vấn đề về điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2011” ;

3) PGS., TS. Đào Hùng, Học viện Chính sách và phát triển, bài viết tháng 7/2011 “Biến động kinh tế vĩ mô ở Việt Nam và triển vọng ổn định trong thời gian tới;

4) Tác giả tổng hợp thông tin từ các báo chí, trang thông tin điện tử của Chính phủ, NHNN...

